

LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN THÔNG QUA HÌNH THỨC HỤI: RANH GIỚI PHÁP LÝ, THỰC TIỄN XỬ LÝ HÌNH SỰ TẠI TỈNH VĨNH LONG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA

TRẦN THỊ NGỌC HIẾU
TRẦN THU TRANG
TRẦN THANH THỊNH
Đại học Trà Vinh

Nhận bài ngày 02/7/2026. Sửa chữa xong 03/8/2026. Duyệt đăng 06/8/2026.

Abstract

Hội is a traditional rotating savings and credit arrangement recognized under Vietnamese law as a property-related civil transaction, provided that it is established on a voluntary and consensual basis and serves the purpose of mutual financial assistance among participants. In practice, however, hội arrangements have increasingly been abused as a means of committing fraudulent appropriation of property. This article examines the legal boundary between civil disputes arising from hội relationships and the criminal offence of fraudulent appropriation of property. It clarifies the constituent elements that must be established, including deceptive conduct, the timing of the deception, the intent to appropriate property, the property appropriated, and the causal link between the deception and the victim's transfer of property. Drawing on criminal enforcement practice in Vinh Long Province, the article identifies key difficulties in proving the offence, determining the legal nature of the conduct, distinguishing civil obligations from criminal appropriation, and recovering assets. On that basis, it proposes a coordinated set of measures to improve early identification criteria, enhance the effectiveness of criminal enforcement and asset recovery, strengthen grassroots-level state management, and prevent the abuse of hội arrangements for fraudulent appropriation of property.

Keywords: Civil-criminal boundary; deceptive conduct; fraudulent appropriation of property; hội transactions; Vinh Long Province.

1. Đặt vấn đề

Trong đời sống kinh tế - xã hội tại Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Vĩnh Long, hội không chỉ là phương thức góp vốn, xoay vòng tài chính mà còn là một dạng quan hệ xã hội dựa trên sự quen biết, tín nhiệm và tương trợ lẫn nhau. Giao dịch này đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và được cụ thể hóa thông qua Nghị định của Chính phủ số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường (Nghị định 19/2019/NĐ-CP). Tuy nhiên, do bản chất giao dịch chủ yếu dựa trên niềm tin cá nhân, thiếu tài sản bảo đảm và sự quản lý còn lỏng lẻo từ cơ sở, hội ngày càng bị biến tướng. Hàng loạt vụ án “vỡ hội”, “giật hội” quy mô lớn đã xảy ra, gây thiệt hại hàng trăm tỷ đồng, kéo theo nhiều hệ lụy phức tạp về an ninh trật tự. Đáng chú ý, ranh giới giữa một vụ vỡ hội do rủi ro dân sự và một thủ đoạn lừa đảo hình sự được tính toán từ trước thường rất mỏng manh. Tại tỉnh Vĩnh Long, các Cơ quan tiến hành tố tụng đang đối mặt với nhiều khó khăn trong việc bóc tách bản chất sự việc, đặc biệt khi các đối tượng sử dụng các chiêu bài tình vi nhằm dân sự hóa hành vi phạm tội. Do đó, việc nghiên cứu chuyên sâu ranh giới pháp lý, đánh giá thực tiễn xử lý hình sự tại địa phương và đề ra giải pháp phòng ngừa là đòi hỏi cấp bách cả về lý luận và thực tiễn.

(*) Lời cảm ơn: Kết quả nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Trà Vinh thông qua Hợp đồng số 07/2026/HĐ.HĐKH&ĐT-DHTV.
Email: ttnhieus@tvu.edu.vn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở nhận diện ranh giới pháp lý giữa quan hệ hội dân sự và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

2.1.1. Thủ đoạn gian dối và mối quan hệ nhân quả với việc giao tài sản

Yếu tố then chốt để phân định lần ranh giữa rủi ro trong quan hệ hội dân sự và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chính là sự tồn tại của “thủ đoạn gian dối” ngay tại thời điểm xác lập giao dịch. Đối với một giao dịch dân sự thuần túy, các thông tin về dây hội được thiết lập dựa trên thực tế khách quan. Tình trạng chủ hội lâm vào tình cảnh mất khả năng thanh toán (vỡ hội) thường bắt nguồn từ những rủi ro phát sinh sau khi hợp đồng đã được giao kết, chẳng hạn như bị hội viên khác chiếm dụng vốn hoặc hoạt động kinh doanh thua lỗ. Trong trường hợp này, do không có hành vi thao túng thông tin hay lừa dối ý chí của hội viên ngay từ đầu, sự vi phạm nghĩa vụ chi trả chỉ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường dân sự.

Dưới góc độ pháp luật hình sự, hành vi vi phạm trong giao dịch hội chỉ cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự khi chủ thể thực hiện “thủ đoạn gian dối”. Về bản chất, chủ hội phải có hành vi cố ý cung cấp thông tin sai lệch nhằm thao túng nhận thức, khiến hội viên tin tưởng tự nguyện giao tiền để từ đó chiếm đoạt. Do vậy, không thể đồng nhất mọi trường hợp vỡ hội, thất thoát tài sản với tội phạm hình sự. Ranh giới định tội nằm ở mối quan hệ nhân quả, tức là thiệt hại tài sản của hội viên bắt buộc phải là hệ quả trực tiếp từ thủ đoạn lừa dối có chủ đích của chủ hội ngay tại thời điểm huy động vốn.

Xét về mặt lý luận, cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đòi hỏi sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả tất yếu giữa hành vi gian dối và kết quả chiếm đoạt tài sản, hành vi lừa dối phải là điều kiện để hành vi chiếm đoạt xảy ra còn hành vi chiếm đoạt phải là kết quả của hành vi lừa dối (Triệu Thị Tuyết, 2019). Trong thực tiễn các vụ việc về hội, thách thức lớn nhất là sự tương đồng về hình thức giữa tranh chấp dân sự và tội phạm hình sự, cả hai đều có thể biểu hiện thông qua các tình trạng như chậm giao hội, mất khả năng thanh toán, hoặc chủ hội trốn khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, bản chất pháp lý chỉ được xác lập khi chứng minh được sự hiện diện của “thông tin gian dối”. Nếu việc giao tài sản của hội viên xuất phát từ sự tin tưởng vào thông tin sai lệch do chủ hội tạo dựng từ trước thì hành vi đó đã thỏa mãn các dấu hiệu đặc trưng của tội lừa đảo, vượt xa phạm vi tranh chấp dân sự đơn thuần. Trong quan hệ hội, thủ đoạn gian dối có thể biểu hiện qua nhiều dạng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, lập “hội ma”. Chủ hội có các hành vi như lập dây hội không có thật, tạo hội viên giả, ghi khống phần hội, gian dối về số lượng thành viên hoặc thông báo sai người đã lĩnh hội. Các hành vi này tạo ra một trạng thái giả về sự tồn tại và vận hành của dây hội, làm cho hội viên tin rằng dây hội có thật, có đủ thành viên và có khả năng giao – nhận tiền đúng kỳ. Khi hội viên giao tiền trên cơ sở niềm tin sai lệch đó, hành vi gian dối đã trực tiếp tác động đến việc dịch chuyển tài sản.

Thứ hai, che giấu tình trạng mất khả năng thanh toán nhưng vẫn tiếp tục thu tiền. Có trường hợp dây hội ban đầu là thật, các thành viên có thật, việc góp – lĩnh đã diễn ra bình thường nhưng đến một thời điểm nhất định, chủ hội đã mất khả năng thanh toán, không còn khả năng giao hội hoặc đã sử dụng tiền sai mục đích, sau đó vẫn tiếp tục đưa ra thông tin làm cho hội viên tin rằng dây hội còn an toàn.

Thứ ba, “bán hội khống”. Hành vi “bán hội khống” là một trong những thủ đoạn gian dối đặc trưng và tinh vi nhất, phản ánh rõ nét sự chuyển hóa từ quan hệ dân sự sang bản chất hình sự trong các vụ án vỡ hội. Về phương thức khách quan, chủ hội lợi dụng tập quán chuyển nhượng phần hội để đưa ra các thông tin hoàn toàn sai sự thật, chẳng hạn như ngụy tạo một phần hội không tồn tại hoặc mạo danh một hội viên có thật đang cần bán phần hội với giá thấp nhằm kích thích lòng tham của nạn nhân.

2.1.2. Thời điểm phát sinh thủ đoạn gian dối và mục đích chiếm đoạt tài sản

Về mặt lý luận cấu thành tội phạm, thời điểm phát sinh thủ đoạn gian dối là tiêu chí cốt lõi để phân định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và các vi phạm dân sự (Đào Trí Úc, 2022, tr. 145–147). Cụ thể, trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hành vi gian dối đóng vai trò là nguyên nhân trực tiếp, bắt buộc phải xuất hiện trước hoặc đồng thời với thời điểm chuyển giao tài sản, trái lại, với tội lạm dụng tín nhiệm, việc giao nhận tài sản ban đầu dựa trên cơ sở giao dịch hợp pháp, ý thức chiếm đoạt chỉ nảy sinh ở giai đoạn sau (Lê Thị Giang, 2021, tr. 22). Áp dụng vào quan hệ

hội, nếu chủ hội sử dụng thủ đoạn gian dối ngay từ khi xác lập giao dịch như ngụy tạo dây hội khống, lập danh sách hội viên ảo nhằm huy động vốn, hành vi này thỏa mãn cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngược lại, nếu dây hội được xác lập và vận hành thực tế, sự cố mất khả năng thanh toán phát sinh ở giai đoạn sau thuần túy là rủi ro dân sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp này không thể chỉ dựa trên hệ quả “vỡ hội” mà đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh được sự biến dạng của ý thức chủ quan thông qua các chuỗi hành vi phái sinh: mục đích sử dụng dòng tiền sai lệch, hành vi bung bít tình trạng vỡ hội để tiếp tục thu tiền của hội viên, hoặc thủ đoạn trốn tránh nghĩa vụ khắc phục hậu quả (Nguyễn Xuân YẾN, 2023, tr. 34-39).

Bên cạnh thủ đoạn gian dối, mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu chủ quan bắt buộc. Dù các đối tượng thường viện có “vỡ hội” hay “thua lỗ” để dân sự hóa hành vi, ý thức chiếm đoạt tài sản vẫn phải được cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh qua chuỗi hành vi khách quan như: lập hội khống, ngụy tạo hội viên, huy động vốn kiểu “lấy sau trả trước”, tẩu tán tài sản, bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ. Cần lưu ý, việc mất khả năng thanh toán đơn thuần là rủi ro dân sự, hậu quả này chỉ cấu thành tội phạm hình sự khi gắn liền với thủ đoạn lừa dối và ý thức chiếm đoạt tài sản đã nảy sinh ngay tại thời điểm nhận tài sản.

2.1.3. Xác định tài sản bị chiếm đoạt trong tương quan với nghĩa vụ dân sự về hội

Tài sản bị chiếm đoạt là dấu hiệu có ý nghĩa định tội và định khung hình phạt trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Điều 174 Bộ luật Hình sự sử dụng giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ xác định cấu thành tội phạm cơ bản và các khung hình phạt tăng nặng. Trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hội, việc xác định tài sản bị chiếm đoạt thường phức tạp hơn các giao dịch lừa đảo đơn lẻ, bởi quan hệ hội có nhiều chủ thể, nhiều kỳ góp – lĩnh, nhiều lần giao nhận tiền và nhiều nghĩa vụ dân sự đan xen giữa chủ hội, thành viên đã lĩnh hội, thành viên chưa lĩnh hội, các khoản lãi, hoa hồng và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ (Lê Thị Giang, 2020, tr. 35–43, tr. 86–90). Khác với các tội xâm phạm sở hữu thông thường, dòng tiền trong hội là dòng tiền luân chuyển liên tục, có sự bù trừ quyền và nghĩa vụ. Số tiền bị chiếm đoạt trong vụ án lừa đảo thông qua hội không phải là tổng giá trị dây hội mà chỉ bao gồm số tiền đối tượng thực tế đã chiếm đoạt bằng thủ đoạn gian dối. Vì vậy, trong các vụ án hội, việc xác định tài sản bị chiếm đoạt cần được thực hiện theo từng dây hội, từng kỳ góp – lĩnh, từng người bị hại và từng thời điểm giao nhận tiền. Cần làm rõ khoản nào đã được giao do tin vào gian dối, khoản nào đã được hoàn trả, khoản nào là nghĩa vụ dân sự, khoản nào đã được cản trở, khoản nào còn tranh chấp và khoản nào thực sự bị người phạm tội chiếm đoạt. Đây là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm việc định tội, định khung hình phạt và giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự được chính xác.

2.2. Thực tiễn xử lý hình sự hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hội tại tỉnh Vĩnh Long

2.2.1. Tình hình vụ án, hậu quả thiệt hại và phương thức biểu hiện của hành vi phạm tội

Về phạm vi không gian và thời gian nghiên cứu, các số liệu thực tiễn được phân tích trong giai đoạn từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Dữ liệu khảo sát này phản ánh bối cảnh địa giới hành chính của tỉnh Vĩnh Long (trên cơ sở sáp nhập từ ba tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre). Việc sử dụng số liệu tổng hợp của toàn vùng sáp nhập giúp bức tranh đánh giá tình hình tội phạm lừa đảo thông qua hội trở nên toàn diện, khách quan và mang tính đại diện cao hơn cho khu vực.

Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả đối với 36 Bản án hình sự sơ thẩm về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hội tại tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021–2025 (phạm vi khảo sát được xác định theo địa giới hành chính của tỉnh Vĩnh Long trước và sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính), các vụ việc liên quan đến hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có số lượng lớn nhưng phần lớn vẫn là tranh chấp dân sự. Trong tổng số 5.472 vụ việc liên quan đến hội, có 5.436 vụ việc được xác định là tranh chấp dân sự và 36 vụ án bị xử lý hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hội. Tỷ lệ này cho thấy việc xử lý hình sự đối với các vụ việc về hội được đặt ra tương đối thận trọng, phù hợp với bản chất dân sự của quan hệ hội. Tuy nhiên, nhóm vụ án hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hội lại thể hiện mức độ nguy hiểm đáng chú ý. Trong 36 vụ án lừa đảo qua hội, có 38 bị cáo và 3.121 người bị hại, bình quân khoảng 86–87 người bị hại trong mỗi vụ án. Đây là đặc điểm rất đáng chú ý của loại tội phạm này. Khác với

nhiều hành vi lừa đảo trong giao dịch đơn lẻ, hành vi lừa đảo thông qua hội thường tác động đến nhiều người trong cùng một mạng lưới quan hệ. Một người tham gia có thể giới thiệu người khác, nhiều người cùng tin vào uy tín của chủ hội và cùng giao tiền theo nhiều kỳ.

Về thiệt hại tài sản, tổng số tiền bị chiếm đoạt trong các vụ án lừa đảo qua hội tại Vĩnh Long giai đoạn 2021–2025 là hơn 197,47 tỷ đồng. Trong khi đó, số tiền đã thu hồi, khắc phục chỉ hơn 4,09 tỷ đồng, đạt khoảng 2,07%. Tỷ lệ thu hồi thấp phản ánh thực tế rằng khi hành vi lừa đảo thông qua hội bị phát hiện, tài sản thường đã bị sử dụng, tẩu tán, bù đắp cho các dây hội khác hoặc chi tiêu cá nhân. Do đó, xử lý hình sự sau khi hậu quả đã xảy ra thường không đủ để bảo vệ đầy đủ quyền lợi tài sản của người bị hại.

Phương thức biểu hiện của hành vi phạm tội trong các vụ án hội khá đa dạng. Có trường hợp người phạm tội lập dây hội giả, tạo hội viên giả, ghi khống phần hội hoặc thông báo sai về người đã lĩnh hội. Có trường hợp dây hội ban đầu có thật, nhưng sau khi mất khả năng thanh toán, chủ hội vẫn che giấu tình trạng này để tiếp tục thu tiền. Cũng có trường hợp việc vận hành hội có biểu hiện lấy tiền của người tham gia sau để chi trả cho người trước nhằm duy trì lòng tin. Bên cạnh đó, sự phát triển của mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin và thanh toán điện tử cũng làm xuất hiện các dạng “hội online” hoặc “hội công nghệ”. Các hội viên không hề biết mặt nhau, không kiểm chứng được năng lực tài chính của chủ hội. Lợi dụng sự ẩn danh này, chủ hội tự biên tự diễn các phiên khai hội, áp dụng mô hình lấy tiền người sau trả cho người trước với mức lãi suất kêu hội lên đến 30-50%/năm để huy động vốn rỗng ruột. Các Cơ quan công an đã cảnh báo về thủ đoạn mời gọi tham gia hội online với lãi suất cao, tham gia nhanh qua mạng xã hội hoặc ứng dụng điện thoại, trong khi người tham gia khó kiểm chứng danh tính chủ hội và các thành viên khác (Nguyễn Sen, 2026). Trong các trường hợp này, chứng cứ thường tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử như tin nhắn, sao kê chuyển khoản, nhóm trò chuyện, hình ảnh, file ghi âm hoặc tài khoản mạng xã hội. Điều này làm tăng yêu cầu về kỹ năng thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử trong quá trình xử lý hình sự.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong định tội danh và quyết định hình phạt

Thực tiễn xét xử các vụ án liên quan đến hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thời gian qua cho thấy, việc áp dụng pháp luật hình sự đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải bóc tách kỹ lưỡng lẫn ranh giữa vi phạm nghĩa vụ dân sự và hành vi phạm tội, từ đó làm cơ sở vững chắc cho việc định tội danh và cá thể hóa hình phạt.

Về thực tiễn định tội danh và xác định tài sản bị chiếm đoạt: Quá trình xử lý hành vi lừa đảo thông qua hình thức hội được căn cứ chủ yếu vào Điều 174 Bộ luật Hình sự. Trọng tâm của hoạt động chứng minh là làm rõ mối quan hệ nhân quả: thông tin gian dối cụ thể do chủ hội đưa ra đã tác động đến nhận thức, khiến bị hại tin tưởng giao tiền và chủ hội đã chiếm đoạt số tiền đó trái pháp luật. Đặc thù của giao dịch hội là sự đan xen của chuỗi tài chính phức tạp, bao gồm tiền góp, tiền đã lĩnh, tiền lãi, hoa hồng và các khoản cần trừ. Do đó, để định tội và định khung hình phạt chính xác, Cơ quan tiến hành tố tụng không thể cộng gộp cơ học toàn bộ nghĩa vụ dân sự chưa thực hiện hoặc chỉ dựa vào tổng thiệt hại do bị hại khai báo. Yêu cầu đặt ra là phải có sự tách bạch rõ ràng thông qua hệ thống chứng cứ (sổ hội, biên nhận, dữ liệu điện tử) để xác định chính xác khoản tiền nào được giao nhận trực tiếp từ thủ đoạn gian dối. Chỉ khi làm rõ được sự chuyển hóa từ quan hệ dân sự sang ý thức chiếm đoạt hình sự tại thời điểm giao dịch, việc định tội danh mới bảo đảm đúng người, đúng tội, tránh khuynh hướng hình sự hóa các quan hệ kinh tế - dân sự.

Về thực tiễn quyết định hình phạt và giải quyết trách nhiệm dân sự. Kết quả thống kê từ thực tiễn xét xử cho thấy tính chất đặc biệt nghiêm trọng của loại tội phạm này. Cụ thể, trong tổng số 38 bị cáo bị đưa ra xét xử trong giai đoạn nghiên cứu, có đến 31 bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (chiếm 81,58%). Việc phần lớn các vụ án đều rơi vào khung hình phạt cao nhất (phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân) càng đòi hỏi yêu cầu định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt phải vô cùng chặt chẽ.

Bên cạnh việc cá thể hóa hình phạt nhằm mục đích trừng trị và răn đe, bản án hình sự không thể tách rời yêu cầu giải quyết triệt để trách nhiệm dân sự. Đối với các vụ án vỡ hội, do số lượng nạn nhân đông và tài sản bị chiếm đoạt thường là nguồn vốn tích lũy trọng yếu của người dân nên sự quan tâm

của bị hại không chỉ dừng lại ở mức án dành cho bị cáo mà đặt nặng vào khả năng được hoàn trả thiệt hại, bởi lẽ “tính hiệu quả trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị hại phụ thuộc rất lớn vào năng lực thu hồi tài sản của cơ quan chức năng” (Lê Hiếu, 2020).

2.3. Những vướng mắc trong thực tiễn xử lý hình sự hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hui tại tỉnh Vĩnh Long

Thứ nhất, vướng mắc trong nhận diện bản chất pháp lý và sự giao thoa giữa các tội danh. Một trong những khó khăn lớn nhất trong việc áp dụng pháp luật hình sự là đánh giá chính xác mặt khách quan và mặt chủ quan để phân định lần ranh giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và vi phạm nghĩa vụ dân sự (Đình Văn Quế, 2020, tr. 142-145). Đặc thù của hui là một quan hệ tài sản kéo dài, có sự đan xen giữa các giao dịch hợp pháp (hui thật) và bất hợp pháp (hui không). Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy sự lúng túng khi xác định “thời điểm nảy sinh ý thức chiếm đoạt”. Ví dụ: Một chủ hui ban đầu tổ chức hui ngay tình nhưng nửa chừng do thâm hụt nên đã tự ý lập “hui viên ảo” để hốt hui nhằm lấp liếm nợ. Hành vi này chứa đựng cả yếu tố lạm dụng tín nhiệm (đối với dòng tiền nhận hợp pháp ban đầu) và lừa đảo (đối với dòng tiền huy động bằng thủ đoạn gian dối lúc sau). Do Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn chưa có quy phạm chuyên biệt về hành vi chiếm đoạt trong quan hệ hui, các Cơ quan tiến hành tố tụng thường gặp khó khăn để thống nhất quan điểm định tội danh, dẫn đến nguy cơ áp dụng pháp luật thiếu đồng bộ.

Thứ hai, vướng mắc trong định lượng tài sản bị chiếm đoạt để làm cơ sở định khung hình phạt. Theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là căn cứ cốt lõi để định khung hình phạt (từ khoản 1 đến khoản 4). Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đang thiếu một công thức pháp lý thống nhất để tính toán số tiền chiếm đoạt thực tế trong các vụ án hui (Lê Hiếu, 2022, tr. 28-32). Một dây hui thường trải qua nhiều kỳ khai với dòng tiền luân chuyển liên tục, hui viên vừa đóng tiền hui chết vừa nhận tiền lãi, hoặc chủ hui dùng tiền dây hui này đắp cho dây hui khác. Vướng mắc pháp lý đặt ra là giá trị tài sản bị chiếm đoạt là tổng số tiền bị hại đã đóng vào hay là số tiền đã đóng trừ đi phần lãi/phần hui họ đã nhận trước đó? Việc pháp luật hình sự chưa quy định rõ nguyên tắc bóc tách phần “lãi suất” hoặc “hoa hồng” ra khỏi “tài sản bị chiếm đoạt” dẫn đến tình trạng cùng một hành vi tương tự nhưng có thể tồn tại các quan điểm xác định giá trị thiệt hại khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và nguyên tắc công bằng.

Bên cạnh đó, việc thiếu sổ hui, giấy biên nhận, chứng từ chuyển khoản hoặc tin nhắn xác nhận, việc xác định khoản nào đã giao, khoản nào đã nhận, khoản nào còn nợ và khoản nào bị chiếm đoạt sẽ làm cho việc xác định sự thật khách quan trong tranh chấp về hui gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, vướng mắc trong việc thu hồi tài sản. Vấn đề thu hồi tài sản trong luật hình sự được giải quyết thông qua chế định áp dụng các biện pháp tư pháp (Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm và trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại). Tuy nhiên, khi áp dụng vào các vụ án hui, vướng mắc lớn nảy sinh ở việc định tính thế nào là “tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm” (Trịnh Tiến Việt, 2021, tr. 15-20). Tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án lừa đảo qua hui tại Vĩnh Long chỉ khoảng 2,07% (Số liệu khảo sát, 2021 – 2025). Tỷ lệ này cho thấy nếu vụ việc bị phát hiện muộn, tài sản thường đã bị sử dụng, tẩu tán hoặc chuyển dịch. Chủ hui thường trộn lẫn tiền chiếm đoạt với khối tài sản chung của vợ chồng hoặc sử dụng tiền chiếm đoạt của hui viên sau để thanh toán hợp pháp cho hui viên trước. Pháp luật hình sự hiện hành chưa có cơ chế cụ thể để truy xuất và định vị tài sản trong trường hợp dòng tiền tội phạm đã bị hòa lẫn vào dòng tiền dân sự hợp pháp hoặc bị chuyển hóa thành các tài sản bảo đảm tại tổ chức tín dụng. Điều này đòi hỏi trong quá trình xử lý hình sự phải chú trọng xác minh dòng tiền, kê biên, phong tỏa tài sản và ngăn chặn việc chuyển dịch tài sản ngay từ giai đoạn đầu.

Thứ tư, một trong những vướng mắc điển hình của thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay là việc định tính các trường hợp chủ hui và hui viên lập giấy nhận nợ hoặc cam kết trả dần sau khi dây hui đổ vỡ. Thực tiễn điều tra và xét xử cho thấy, tình huống này rất dễ làm lập lờ bản chất pháp lý của vụ việc, tạo kẽ hở để các đối tượng lợi dụng nhằm “dân sự hóa” hành vi chiếm đoạt tài sản. Để áp dụng pháp luật

chính xác, Cơ quan tiến hành tố tụng phải bóc tách rõ động cơ và thời điểm phát sinh hành vi, nếu đây hội ban đầu là có thật, chủ hội nhận tiền không kèm thủ đoạn gian dối mà chỉ mất khả năng thanh toán do rủi ro khách quan về sau thì việc lập giấy nợ lúc này thuần túy là một thỏa thuận giải quyết tranh chấp dân sự. Ngược lại, khó khăn trong thực tiễn thường nảy sinh khi cơ quan chức năng phải chứng minh ý thức chủ quan bởi nếu ngay từ đầu chủ hội đã dùng thủ đoạn lừa dối để gom tiền trực lợi thì việc ký cam kết trả nợ sau khi vỡ hội không thể làm mất đi bản chất hình sự của vụ việc. Cần khẳng định rõ nguyên tắc, mọi thỏa thuận dân sự được xác lập sau khi hành vi chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành chỉ có giá trị xem xét như một tình tiết giảm nhẹ nhằm khắc phục hậu quả chứ hoàn toàn không phải là căn cứ pháp lý để loại trừ trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

2.4. Định hướng phòng ngừa và nâng cao hiệu quả xử lý hành vi lợi dụng hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Từ những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, để nâng cao hiệu quả đấu tranh, xử lý và phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua hình thức hội, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự đối với tội phạm liên quan đến hội. Để khắc phục tình trạng nhận thức và áp dụng pháp luật thiếu đồng bộ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Điều 174 và Điều 175 Bộ luật Hình sự trong các giao dịch hội. Trọng tâm của hướng dẫn cần làm rõ các tiêu chí phân định ranh giới giữa rủi ro dân sự và ý thức chiếm đoạt hình sự (dựa trên thời điểm phát sinh thủ đoạn gian dối). Đặc biệt, cần thiết lập một "công thức pháp lý" thống nhất trong việc định lượng tài sản bị chiếm đoạt để làm cơ sở định khung hình phạt. Theo đó, giá trị tài sản bị chiếm đoạt nên được xác định theo nguyên tắc bù trừ: *Tổng số tiền bị chiếm đoạt bằng tổng số tiền hội viên đã thực đóng trừ đi các khoản tiền hội và tiền lãi mà họ đã thực nhận từ chủ hội trước khi đường dây vỡ lở.* Việc có một nguyên tắc bóc tách rõ ràng sẽ bảo đảm tính công bằng, tránh định khung hình phạt quá mức cần thiết hoặc bỏ lọt hành vi.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn và biện pháp tư pháp nhằm tối đa hóa tỷ lệ thu hồi tài sản. Để giải quyết bài toán thu hồi tài sản cho bị hại, cơ quan tiến hành tố tụng cần thay đổi tư duy từ "chờ chứng minh xong tội phạm mới kê biên" sang "chủ động phong tỏa ngay khi có dấu hiệu tẩu tán". Cụ thể, cần áp dụng triệt để các biện pháp ngăn chặn như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản ngay từ giai đoạn xác minh tin báo, tố giác tội phạm, thay vì chờ đến khi khởi tố bị can. Đồng thời, cần có cơ chế linh hoạt trong việc áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, cho phép cơ quan chức năng truy xuất và áp dụng biện pháp tư pháp đối với phần tài sản tương đương của người phạm tội trong khối tài sản chung, hoặc tài sản đã được tẩu tán dưới hình thức giao dịch dân sự giả tạo (tặng cho, ly hôn giả) ngay trước thời điểm vỡ hội (Bộ Tư pháp, 2022, tr. 45-48).

Thứ ba, tăng cường quản lý nhà nước và phòng ngừa xã hội đối với hoạt động tổ chức hội. Biện pháp hình sự chỉ là công cụ giải quyết hậu quả. Để phòng ngừa từ gốc, chính quyền địa phương (đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp xã) cần thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý nhà nước về hội theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Cần quy trách nhiệm rà soát, thống kê và yêu cầu các chủ hội tổ chức đây hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên phải thông báo bằng văn bản cho chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cần được đẩy mạnh, giúp người dân nhận diện rõ mô hình "hội khổng lồ", "hội lấy lãi suất cao" từ đó nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản trước khi phải nhờ đến sự can thiệp của pháp luật hình sự.

Thứ tư, hoàn thiện cơ sở pháp lý và phương pháp chứng minh nhằm ngăn chặn thủ đoạn "dân sự hóa" hành vi phạm tội. Để giải quyết tình trạng chủ hội lợi dụng "giấy nhận nợ" hoặc cam kết trả dẫn lập sau khi vỡ hội nhằm che giấu tội phạm, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn hoặc án lệ khẳng định rõ nguyên tắc: nếu thủ đoạn gian dối đã phát sinh trước hoặc trong thời điểm nhận tiền, các thỏa thuận dân sự lập sau khi hành vi chiếm đoạt hoàn thành tuyệt đối không làm thay đổi bản chất hình sự của vụ án mà chỉ mang ý nghĩa là tình tiết khắc phục hậu quả. Đồng thời, Cơ quan tiến hành tố tụng không được máy móc từ chối thụ lý nguồn tin tội phạm chỉ vì tồn tại giấy nhận nợ. Thay vào đó, cần dịch chuyển trọng tâm chứng minh vào việc xác minh tính có thật

của các phần hội (có lập hội ma, hội viên ảo hay không) và truy xuất dòng tiền ngay tại thời điểm giao dịch để bóc tách triệt để vỏ bọc dân sự.

Thứ năm, chủ động phòng ngừa và nâng cao năng lực xử lý đối với các biến tướng “hội online”, “hội công nghệ”. Trước sự phát triển của các giao dịch hội trên không gian mạng, cơ quan chức năng cần đẩy mạnh tuyên truyền trực diện giúp người dân nhận diện bẫy lãi suất cao và phương thức hội lấy tiền người sau trả cho người trước (Nguyễn Sen, 2026). Song song đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa cơ quan quản lý viễn thông, an ninh mạng và các tổ chức tín dụng nhằm quét, xóa các hội nhóm hội tự phát hoạt động trái phép, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các dòng tiền dịch chuyển bất thường qua tài khoản ngân hàng hay ví điện tử. Đặc biệt, để tháo gỡ điểm nghẽn trong khâu xử lý hình sự, các Cơ quan tiến hành tố tụng cần sớm ban hành quy trình chuẩn hóa về kỹ năng thu thập, bảo quản và đánh giá giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử (tin nhắn, sao kê tài khoản, dữ liệu số), bảo đảm tính pháp lý vững chắc cho quá trình giải quyết vụ án.

3. Kết luận

Hội là quan hệ dân sự hợp pháp và có giá trị nhất định trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, lợi dụng hình thức chơi hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một loại hình tội phạm có diễn biến phức tạp, gây ra những hệ lụy nghiêm trọng đối với an ninh trật tự và an toàn tài chính của người dân, đặc biệt qua thực tiễn khảo sát tại địa bàn tỉnh Vĩnh Long mở rộng. Quá trình áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết loại tội phạm này không chỉ đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải đặc biệt thận trọng trong việc phân định ranh giới giữa vi phạm nghĩa vụ dân sự và tội phạm hình sự, mà còn phải bảo đảm tính khách quan, khoa học trong việc định lượng tài sản bị chiếm đoạt. Thông qua việc đánh giá thực tiễn áp dụng Điều 174 Bộ luật Hình sự, bài viết đã nhận diện rõ những “điểm nghẽn” trong công tác định tội danh, cá thể hóa hình phạt và đặc biệt là những hạn chế trong hoạt động thu hồi tài sản cho người bị hại. Để tháo gỡ triệt để những vướng mắc này, việc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật là yêu cầu mang tính chiến lược và cấp thiết. Song song đó, việc linh hoạt áp dụng sớm các biện pháp ngăn chặn, biện pháp tư pháp kết hợp cùng công tác quản lý nhà nước chặt chẽ tại cơ sở sẽ tạo ra một cơ chế bảo vệ kép. Chỉ khi kết hợp hài hòa giữa phòng ngừa xã hội, trừng trị nghiêm minh và khôi phục hiệu quả thiệt hại dân sự, pháp luật hình sự mới thực sự phát huy trọn vẹn vai trò bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và duy trì trật tự an toàn xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tư pháp (2022). *Tài liệu Hội nghị chuyên đề: Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự về thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự*. Chính phủ (2019). *Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường*.
Đào Trí Úc (2022). *Lý luận về cấu thành tội phạm và thực tiễn áp dụng*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
Đình Văn Quế (2020). *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự phần các tội phạm: Tập 3 – Các tội xâm phạm sở hữu*. NXB Thông tin và Truyền thông.
Lê Hiếu (2020). *Xử lý tài sản thế nào khi chủ họ, hội tuyên bố vỡ hội?*. Tạp chí Kiểm sát điện tử. <https://kiemsat.vn/xu-ly-tai-san-the-nao-khi-chu-ho-hui-tuyen-bo-vo-hui-57868.html>
Lê Hiếu (2022). *Khó khăn, vướng mắc trong định tội và xác định thiệt hại đối với các vụ án lừa đảo qua hình thức vỡ hội*. *Tạp chí Kiểm sát*, (8), 28–32.
Lê Thị Giang (2020). *Hợp đồng vay tài sản và họ, hội, biểu, phường theo pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành* [Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường]. Trường Đại học Luật Hà Nội.
Lê Thị Giang (2021). *Ranh giới giữa tranh chấp hợp đồng dân sự và tội lạm dụng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. *Tạp chí Nghề Luật*, (3), 22.
Số liệu khảo sát 26 bản án hình sự sơ thẩm về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức hội tại tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021–2025.
Nguyễn Sen (2026). *Cảnh giác chiêu trò “hội online” lãi suất cao: Cái bẫy trắng tay*. Công an tỉnh Đồng Tháp. Truy cập ngày 13 tháng 7 năm 2026, từ https://congan.dongthap.gov.vn/web/ca/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/wbj7qfWZntAi/content/id/29381525?plidlayout=15257.
Nguyễn Xuân YẾN (2023). *Vướng mắc trong định tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua hình thức chơi họ*. *Tạp chí Kiểm sát*, (12), 34–39.
Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015*.
Tòa án nhân dân tối cao. *Cổng thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án*. <https://congboaban.toaan.gov.vn>.
Triệu Thị Tuyết (2019). *Phân biệt tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội phạm xâm phạm sở hữu khác*. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*. Truy cập ngày 9 tháng 7 năm 2026, từ <https://tapchitoaan.vn/phan-biet-toi-lua-dao-kiem-doat-tai-san-voi-mot-so-toi-pham-xam-pham-so-huu-khac>.
Trịnh Tiến Việt (2021). *Hoàn thiện quy định về các biện pháp tư pháp trong Bộ luật Hình sự nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản*. *Tạp chí Luật học*, (5), 15–20.
Văn phòng Quốc hội (2025). *Văn bản hợp nhất số 135/VBHN-VPQH ngày 05/9/2025 hợp nhất Bộ luật Hình sự*.